

Bản án số: 411/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Toà án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5422/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: P C Chung cư A đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Hưng C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: P B Chung cư A đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Hưng C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60; Quyền số 01; Mẫu TP/HT6 ngày 30/4/1994. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát

sinh mâu thuẫn do không hợp quan điểm sống. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, nhưng không thành. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hưng C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Ngọc Phương M (Nữ) sinh ngày 14/11/2000 và Lê Ngọc Phương T (Nữ) sinh ngày 07/6/1994. Hiện nay hai con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hưng C vắng mặt, tuy nhiên ông C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông C trình bày:*

Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H và đồng ý cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt, tuy nhiên trong đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Lê Hưng C, Con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Hưng C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đồng ý với những đề nghị của bà Nguyễn Thị Thanh H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tố tụng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn với ông Lê Hưng C là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Hai con chung của ông C và bà H đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà H và ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Hưng C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60; Quyền số 01; Mẫu TP/HT6 ngày 30/4/1994 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc từ hai phía. Tuy nhiên, theo bà Nguyễn Thị Thanh H khai giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn trầm trọng về quan điểm sống không thể hòa giải được. Hai bên đã cố gắng hòa giải, nhưng vẫn không giải quyết được.

Phía ông Lê Hưng C, hiện nay ông đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T1, Cục C10 Bộ công an nên không tham gia tố tụng tại Tòa án được. Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của ông C, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H và đồng ý cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không có ý kiến gì khác.

Qua ý kiến của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Hưng C, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông C không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Xét các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Hưng C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với hai con chung của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Hưng C là Lê Ngọc Phương M (Nữ) sinh ngày 14/11/2000 và Lê Ngọc Phương T (Nữ) sinh ngày 07/6/1994. Hiện nay hai con đã thành niên ông C và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Lê Hưng C khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, Điều 21; khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 97; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Thanh H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Lê Hưng C (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60; Quyền số 01; Mẫu TP/HT6 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/4/1994).

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Ngọc Phương M (Nữ) sinh ngày 14/11/2000 và Lê Ngọc Phương T (Nữ) sinh ngày 07/6/1994. Hiện nay hai con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số: AA/2023/0043597 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Lê Hưng C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND phường Đakao, TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Diệu Linh